

thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Bùi Duy H1, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1982 tại huyện H2, tỉnh L12; nơi cư trú: Số 46, thôn H3, xã Đ1, thành phố L, tỉnh L12; nghề nghiệp: Công chức Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và Người lái thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh L12; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H4 và bà Hoàng Thị H5; có vợ Đàm Thị T7 và có 01 con; Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Chi bộ Văn phòng, thuộc Đảng bộ Sở Giao thông vận tải tỉnh L12, hiện đã bị thi hành kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

4. Lương Thanh H6, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1974 tại huyện V, tỉnh L12; nơi thường trú: Số 9, D 3, Khối 3, phường V1, thành phố L, tỉnh L12; nghề nghiệp: Dược sỹ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Huyền M1 và bà Hoàng Thị N (đã chết); có chồng Nông Khánh T8 và có 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 133/2008/HS-ST ngày 19-11-2008, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L12 xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích), chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-8-2021 đến ngày 07-10-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1971 tại thành phố L, tỉnh L12, nơi cư trú: Số 257, đường Trần Đăng N1, Khối 3, phường T9, thành phố L, tỉnh L12, nghề nghiệp: Bác sỹ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T10 và bà Đào Thị Q; có vợ Phan Thanh H7 (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-8-2021 đến ngày 07-10-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

6. Lê L1, sinh ngày 07-9-1992 tại huyện C1, tỉnh L12, nơi cư trú: Tổ 2, Khối 1, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh L12, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng S1 và bà Trần Thị Y; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 124/HSST/2016 ngày 16-11-2016 của TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 05 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Chu Thị X:* Ông Nguyễn Huy X1, Luật sư Văn phòng luật sư Nhân Lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L12; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Thanh H6:*

1. Ông Bế Quang H8, Luật sư Văn phòng Luật sư V4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L12; có mặt.

2. Bà Lưu Thị Kiều T11, Luật sư công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Hà Trọng Đ10 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L12; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S:* Bà Chu Thị Nguyễn P1, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn P1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L12; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê L1:* Bà Chu Thị Nguyễn P1, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn P1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L12; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Ngày 21-9-2020, Sở Y tế tỉnh L12 ban hành Thông báo số 123/TB-SYT thông báo cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe và khám sức khỏe cho người lái xe trên địa bàn tỉnh L12, trong đó có Phòng khám Đa khoa L12 (gọi tắt là Phòng khám L12) và Phòng khám Đa khoa X2 (gọi tắt là Phòng khám X2).

Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe mô tô T2 (gọi tắt là Trung tâm T2) được thành lập từ năm 2018 có chức năng tuyển sinh, đào tạo, tổ chức thi sát hạch lái xe mô tô hạng A1, A2 do Đặng Hoàng T làm Giám đốc. Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ của các học viên có nhu cầu thi sát hạch cấp Giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2, do muốn rút ngắn thời gian làm hồ sơ cho học viên nên Đặng Hoàng T và Lương Thị T12 (Nhân viên Trung tâm T2); Dương Văn T13; Nguyễn Thị Bích N2 (cộng tác viên của Trung tâm T2) đến Phòng khám L12 để làm giấy khám sức khỏe giả cho các học viên có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ thi lấy Giấy phép lái xe mô tô. Ngoài ra còn có Lê L1, Lô Văn V2 (cộng tác viên của Trung tâm T2) đến Phòng khám X2 để làm giấy khám sức khỏe giả cho các học viên có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ thi lấy giấy phép lái xe mô tô, cụ thể:

Tại Phòng khám Đa khoa L12: Khoảng tháng 5 năm 2021, Đặng Hoàng T được Lê L1 cho biết tại Phòng khám X2 chỉ thu tiền khám sức khỏe của học viên là 150.000 đồng/giấy khám. Khi Đặng Hoàng T đến Phòng khám L12 để khám sức khỏe thì gặp Nguyễn Ngọc S là Trưởng Phòng khám, Đặng Hoàng T nói nếu ở Trung tâm T2 có học viên có nhu cầu khám sức khỏe thì sẽ đưa đến Phòng khám L12 khám và sẽ cho nhân viên Trung tâm T2 liên hệ với Phòng khám, thỏa thuận giá là 150.000 đồng/giấy, Nguyễn Ngọc S đồng ý. Sau đó Đặng Hoàng T bảo Lương Thị T12, trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, nếu học viên không trực tiếp đến khám được thì đến Phòng khám L12, giá 150.000 đồng/giấy. Nguyễn Ngọc S bảo Mai Thu H9 (Nhân viên Phòng khám L12) khi có người của Trung tâm T2 đến làm giấy khám sức khỏe cho các học viên không đến khám trực tiếp thì tiếp nhận thông tin, ảnh của học viên nộp lại cho

Nguyễn Ngọc S và thu tiền 150.000 đồng/giấy.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm T2, Lương Thị T12 được người quen là Phan Mạnh T14, Giáo viên Trường Cao đẳng Nghề L12 nhờ làm hồ sơ thi sát hạch lái xe, trong đó có giấy khám sức khỏe cho 03 trường hợp gồm Hứa Minh T15, Dương Huy H10 và Tô Ngọc T16. Lương Thị T12 thông báo cho Đặng Hoàng T, Đặng Hoàng T gọi điện nhờ Nguyễn Ngọc S tạo điều kiện làm giấy khám sức khỏe cho học viên, Nguyễn Ngọc S đồng ý. Theo chỉ đạo của Đặng Hoàng T, Lương Thị T12 nhận của mỗi học viên 250.000 đồng/giấy, tổng cộng 750.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lương Thị T12 đưa lại cho Đặng Hoàng T số tiền chênh lệch 300.000 đồng (mỗi giấy giữ lại 100.000 đồng). Sau đó Đặng Hoàng T bảo Lương Thị T12 đến Phòng khám L12 làm giấy khám sức khỏe cho 03 học viên trên, Lương Thị T12 đã gửi ảnh và thông tin của 03 học viên cho Mai Thu H9, Mai Thu H9 điền đầy đủ thông tin người khám vào giấy khám sức khỏe và đưa lại cho Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc S yêu cầu các nhân viên ghi đầy đủ nội dung tại các mục khám chuyên khoa và mục kết luận đủ điều kiện để lái xe mô tô, rồi dùng dấu chữ ký và dấu tên của các bác sỹ chuyên khoa đóng vào giấy khám rồi chuyển lại cho Mai Thu H9, sau đó Mai Thu H9 chuyển cho Lương Thị T12 03 giấy khám và thu tiền 450.000 đồng (150.000 đồng/giấy).

Khoảng tháng 6 năm 2021, Dương Văn T13 đến Phòng khám L12 gặp Nguyễn Ngọc S đặt vấn đề làm giấy khám sức khỏe cho học viên thi sát hạch lái xe mà không cần đến khám với giá là 150.000 đồng/giấy, Nguyễn Ngọc S đồng ý. Sau đó Dương Văn T13 được người quen là Đoàn Quang Đ3, Đỗ Cảnh T16, Vy Mạnh H11 nhờ làm hồ sơ thi sát hạch lái xe, gồm cả giấy khám sức khỏe cho 05 trường hợp mà không cần phải đến khám gồm Đoàn Mai H12 (Con gái Đoàn Quang Đ3), Nguyễn Như Q1, Phạm Hùng V3 (bạn của Đoàn Mai H12), Đỗ Nam K (Con trai Đỗ Cảnh T16), Đồng Tiến T17 (người quen của Vy Mạnh H11). Dương Văn T13 đã nhận tổng số tiền 750.000 đồng của Đoàn Mai H12, Nguyễn Như Q1, Phạm Hùng V3 (250.000 đồng/học viên) để làm giấy khám (Đỗ Nam K, Đồng Tiến T17 chưa nộp tiền). Sau đó Dương Văn T13 nộp 450.000 đồng cho Phòng khám L12 để làm giấy khám giả cho Đoàn Mai H12, Nguyễn Như Q1, Phạm Hùng V3 (150.000 đồng/giấy), còn lại 300.000 đồng chênh lệch Dương Văn T13 được hưởng và sử dụng để chi tiêu cá nhân. Ngoài ra, Dương Văn T13 tự ứng trước 300.000 đồng của bản thân để nộp cho Phòng khám L12 làm giấy khám giả cho 02 học viên Đỗ Nam K và Đồng Tiến T17.

Trong thời gian làm cộng tác viên tại Trung tâm T2, Nguyễn Thị Bích N2 được một số người quen là Đặng Trung D1, Lương Minh Đ4 đều là cán bộ trường nghề V5 và Nguyễn Thị Thanh H13 là cán bộ công tác tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L12 nhờ làm hồ sơ thi sát hạch lái xe, Nguyễn Thị Bích N2 đồng ý. Sau đó Nguyễn Thị Bích N2 đến Phòng khám L12 gặp Mai Thu H9 nhờ làm 04 giấy khám giả cho các học viên thi sát hạch lái xe mà không cần đến khám trực tiếp, Mai Thu H9 đồng ý nhưng không thỏa thuận giá tiền. Các học viên được Nguyễn Thị Bích N2 nhận làm hộ giấy khám sức khỏe gồm Dương Thị L2 (đồng nghiệp với Nguyễn Thị Thanh H13), Nông Thanh H14 (con gái Nguyễn

Thị Thanh H13), Dương Hoàng P2 (người quen của Lương Minh Đ4), Hoàng Xuân M2 (người quen của Đặng Trung D1), Nguyễn Thị Bích N2 đã nhận 1.000.000 đồng của 04 học viên để làm giấy khám sức khỏe, sau đó đưa cho Mai Thu H9 800.000 đồng (04 hồ sơ x 200.000 đồng); số tiền chênh lệch 200.000 đồng, Nguyễn Thị Bích N2 đã trả lại cho Đặng Trung D1, Lương Minh Đ4 mỗi người 50.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh H13 100.000 đồng, do đây đều là người quen của Nguyễn Thị Bích N2.

Ngoài các khoản tiền thu để làm giấy khám sức khỏe, Lương Thị T12, Dương Văn T13, Nguyễn Thị Bích N2 còn thu mỗi học viên 200.000 đồng tiền hồ sơ thi Giấy phép lái xe.

Sau khi được Lương Thị T12, Dương Văn T13, Nguyễn Thị Bích N2 cung cấp trực tiếp hoặc gửi qua điện thoại ảnh, thông tin của 12 học viên trên, mặc dù không có người đến khám nhưng Mai Thu H9 đã ghi thông tin và dán ảnh của các học viên vào Giấy khám sức khỏe rồi chuyển cho Nguyễn Ngọc S. Nguyễn Ngọc S gọi một số nhân viên Phòng khám gồm Vi Trung Đ5; Nông Hải Y1, Hứa Thị T18, Tô Thị L3, Hoàng Thị Lan A1, Nguyễn Văn D2 đến phòng của Nguyễn Ngọc S viết giả kết quả khám với nội dung: Kết quả khám Mắt là “không mắc”, kết quả khám Tâm thần, thần kinh, Tai mũi họng, Tim mạch, Hô hấp, Cơ xương khớp, Nội tiết, Thai sản là “bình thường”, kết quả xét nghiệm là “âm tính” và kết luận “hiện tại đủ điều kiện sức khỏe để thi sát hạch lái xe máy hạng A1, A2”. Sau đó Nguyễn Ngọc S lấy dấu khắc sẵn chữ ký và họ tên của Bác sỹ chuyên khoa nội Lãng Hồng H15, Bác sỹ chuyên khoa tâm thần, thần kinh Hoàng Tiến N3, Bác sỹ chuyên khoa tai mũi họng Nguyễn Khánh L4, Bác sỹ chuyên khoa mắt Vi Thị D3, Bác sỹ chuyên khoa cơ xương khớp, nội tiết Nguyễn Ngọc S, Bác sỹ xét nghiệm Phan Thị C2, rồi đóng vào các nội dung chuyên khoa tương ứng và ký hoặc đóng dấu chữ ký của mình vào phần Kết luận và đóng dấu của Phòng khám rồi chuyển giấy khám sức khỏe cho Mai Thu H9, Mai Thu H9 chuyển lại giấy khám sức khỏe giả cho Lương Thị T12, Dương Văn T13, Nguyễn Thị Bích N2 và nhận tổng số tiền 2.000.000 đồng (gồm 05 giấy của Dương Văn T13 x 150.000 đồng = 750.000 đồng, 03 giấy của Lương Thị T12 x 150.000 đồng = 450.000 đồng, 04 giấy của Nguyễn Thị Bích N2 x 200.000 đồng = 800.000 đồng). Số tiền này Mai Thu H9 đã chuyển hết cho Nguyễn Ngọc S.

Đối với các trường hợp học viên tự đến Phòng khám L12 để khám sức khỏe thi sát hạch lái xe hạng A1, A2, Nguyễn Ngọc S bảo nhân viên Phòng khám tiếp đón và đưa học viên đến phòng của Nguyễn Ngọc S. Mặc dù không có các Bác sỹ chuyên khoa khám cho học viên, nhưng Nguyễn Ngọc S vẫn bảo nhân viên viết thông tin cá nhân của học viên. Nguyễn Ngọc S gọi các nhân viên của Phòng khám gồm Vi Trung Đ5, Nông Hải Y1, Nguyễn Văn D2, Hứa Thị T18, Tô Thị L3, Hoàng Thị Lan A1 đến phòng riêng của Nguyễn Ngọc S viết giả kết quả khám Mắt là “không mắc”, kết quả khám Tâm thần, thần kinh, Tai mũi họng, Tim mạch, Hô hấp, Cơ xương khớp, Nội tiết, Thai sản là “bình thường”, kết quả xét nghiệm là “âm tính” và kết luận “hiện tại đủ điều kiện sức khỏe để thi sát hạch lái xe máy hạng A1”. Sau đó Nguyễn Ngọc S lấy dấu khắc

sẵn chữ ký và dấu họ tên của các Bác sỹ chuyên khoa gồm Lăng Hồng H15, Hoàng Tiến N3, Nguyễn Khánh L4, Vi Thị D3 đóng vào các nội dung chuyên khoa tương ứng rồi ký vào phần kết luận và đóng dấu của Phòng khám, sau đó chuyển lại cho người đến khám sức khỏe, thu tiền 250.000 đồng/người. Tổng cộng Nguyễn Ngọc S đã chỉ đạo các nhân viên của Phòng khám L12 làm giả 161 giấy khám sức khỏe cho 161 học viên khác trong kỳ thi sát hạch lái xe ngày 18-7-2021, thu lợi bất chính 40.250.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Ngọc S thu lợi bất chính từ việc làm 173 Giấy khám sức khỏe giả là 2.000.000 đồng + 40.250.000 đồng = 42.250.000 đồng.

Tại Phòng khám Đa khoa X2:

Lương Thanh H6 là Nhân viên bán hàng và được ông Lương Huyền M1 (là bố đẻ), Giám đốc Công ty giao (bằng lời nói) toàn quyền quản lý đơn vị trực thuộc Công ty là Phòng khám X2.

Khoảng năm 2020, Lê L1 và Lô Văn V2 đến Trung tâm T2 gặp Lương Thị T12 đặt vấn đề cho Lê L1, Lô Văn V2 làm cộng tác viên tuyển sinh học viên thi sát hạch lái xe mô tô; Lương Thị T12 cho Lê L1, Lô Văn V2 biết mỗi học viên mà Lê L1, Lô Văn V2 tuyển sinh, Trung tâm T2 sẽ chiết khấu 50.000 đồng/hồ sơ. Sau đó, Lê L1 thuê nhà tại thôn K1, thị trấn C1, Lô Văn V2 thuê nhà tại tổ 1, Khối 8, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh L12 làm văn phòng, đồng thời đăng bài lên mạng xã hội Facebook, Zalo để tuyển sinh học viên thi sát hạch lái xe và thuê Lương Thị Kim T11 phụ giúp công việc tư vấn, hướng dẫn học viên làm hồ sơ, thi sát hạch lái xe mô tô.

Trong quá trình làm hồ sơ cho các học viên có nhu cầu thi sát hạch cấp Giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2, nhận thấy mức phí khám sức khỏe cao, không thu hút được nhiều người đăng ký thi sát hạch lái xe, nên khoảng tháng 5/2021. Lê L1, Lô Văn V2 đến Phòng khám X2 trao đổi, thỏa thuận với Lương Thanh H6 về việc không cần trực tiếp đến khám, chỉ gửi ảnh và thông tin cá nhân để hoàn thiện giấy khám sức khỏe đưa vào hồ sơ với giá 150.000 đồng/giấy; đối với các trường hợp học viên được đưa đến Phòng khám để khám sức khỏe thì mức phí vẫn chỉ là 150.000 đồng/giấy, Lương Thanh H6 đồng ý. Từ tháng 5 đến tháng 7/2021, Lê L1 đã gửi thông tin 10 học viên, Lô Văn V2 gửi thông tin 75 học viên cho Lương Thanh H6 và Hoàng Thị H16 là nhân viên Phòng khám X2 thông qua zalo hoặc giao trực tiếp tại Phòng khám để làm giấy khám giả; Sau khi nhận được thông tin học viên, Lương Thanh H6 bảo Hoàng Thị H16 và Lộc Thị Đ6 là nhân viên Phòng khám cùng ghi thông tin họ tên vào giấy khám, ghi kết quả khám chuyên khoa Mắt, Hô hấp, Tim mạch, Thai sản là “bình thường” và kết luận “hiện tại đủ điều kiện sức khỏe để thi sát hạch lái xe máy hạng A1” vào giấy khám; riêng Lương Thanh H6 ghi thêm kết quả là “không” vào mục các bệnh về tai, mũi, họng và ký giả chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa mắt Trần Thị N4, Bác sỹ chuyên khoa sản Đinh Thị Hạnh N5 và Đàm Thị D4.

Sau đó Lương Thanh H6, Hoàng Thị H16 trực tiếp hoặc nhờ Đường Thị Thu H17 (nhân viên tạp vụ của Phòng khám X2) mang giấy khám sức khỏe đến

cho Bác sỹ chuyên khoa tai mũi họng Lương Đức T20, Bác sỹ chuyên khoa tâm thần Nông Mộng D5, Bác sỹ chuyên khoa nội Hà Thị L5 và Ngô Thị P3, Cử nhân xét nghiệm Hoàng Thị C3 và Nguyễn Thị L6 để ký xác nhận. Các Bác sỹ Nông Mộng D5, Hà Thị L5, Ngô Thị P3 đã nhờ các nhân viên Phòng khám là Lành Thị T21, Nông Thế Đ7 ghi kết quả khám như Tâm thần, thần kinh, Tim mạch, Hô hấp, Cơ xương khớp, Nội tiết, là “bình thường”, nói các trường hợp này đã được khám rồi nên Lành Thị T21, Nông Thế Đ7 đã tin tưởng viết kết quả khám vào giấy khám. Sau đó Nông Mộng D5, Hà Thị L5, Ngô Thị P3 ký vào các mục chuyên khoa trong giấy khám, riêng Bác sỹ Hà Thị L5, Ngô Thị P3 ký cả vào phần kết luận trong giấy khám rồi chuyển lại cho Lương Thanh H6.

Sau khi có đủ chữ ký các chuyên khoa trong giấy khám và kết luận, Lương Thanh H6 chờ Lê L1, Lô Văn V2 mang ảnh học viên đến Phòng khám để dán vào giấy khám sức khỏe rồi đóng dấu của Phòng khám X2, sau đó chuyển lại giấy khám bản phô tô có dấu Phòng khám cho Lê L1, Lô Văn V2 (Bản chính giấy khám sức khỏe Phòng khám X2 giữ), thu tiền 150.000 đồng/giấy. Số tiền thu được từ việc làm giấy khám sức khỏe giả được chuyển toàn bộ cho Lương Thanh H6 sử dụng để trả lương cho các Bác sỹ, nhân viên và các chi phí của Phòng khám X2.

Đối với các trường hợp học viên tự đến Phòng khám X2 để khám sức khỏe thì sát hạch lái xe mô tô hạng A1, A2, Lương Thanh H6 và các nhân viên Phòng khám X2 vẫn tiếp đón và đưa học viên đến các chuyên khoa để khám, tuy nhiên Lương Thanh H6 đã ký giả chữ ký của Bác sỹ Trần Thị N4, Đinh Thị Hạnh N5, Đàm Thị D4. Sau khi khám hết các khoa còn lại và được Bác sỹ Hà Thị L5, Ngô Thị P3 kết luận đủ sức khỏe thì sát hạch lái xe thì Lương Thanh H6 đóng dấu của Phòng khám vào giấy khám và chuyển lại 01 bản cho người đến khám.

Với cách thức như trên, trong đợt thi sát hạch lái xe mô tô ngày 18-7-2021, Lương Thanh H6 và đồng phạm tại Phòng khám X2 đã làm giả giấy khám sức khỏe cho 279 học viên, trong đó có 73/75 Giấy khám sức khỏe cho Lô Văn V2 (có 02 học viên là Vi Hồng H18, Hoàng Thị T22 tự đến phòng khám khám đầy đủ), 28/29 Giấy khám sức khỏe cho Lê L1 (trong số này có 19 trường hợp học viên được Lâm đưa đến phòng khám đa khoa X2 nhưng phòng khám không thực hiện đúng quy định, 09 trường hợp không được đến khám, 01 trường hợp Triệu Thị Linh tự đến khám đầy đủ) và 178 giấy khám sức khỏe còn lại.

Đối với mỗi Giấy khám sức khỏe do Lê L1 và Lô Văn V2 đưa đến, Lương Thanh H6 thu 150.000 đồng/Giấy. Các trường hợp còn lại Lương Thanh H6 thu 250.000 đồng/giấy. Như vậy, Lương Thanh H6 đã thu lợi bất chính 59.650.000đ (học viên của Lô Văn V2 73 Giấy khám sức khỏe = 10.950.000đ, Lê L1 28 Giấy khám sức khỏe=4.200.000đ, 178 giấy khám sức khỏe còn lại = 44.500.000đ).

Lô Văn V2 thu của mỗi học viên 300.000 đồng/giấy, đưa lại cho Lương Thanh H6 150.000 đồng/giấy; thu lợi bất chính 10.950.000 đồng từ việc làm 73 Giấy khám sức khỏe giả cho 73 học viên.

Lê L1 thu của mỗi học viên 300.000 đồng/giấy, đưa lại cho Lương Thanh H6 150.000 đồng/giấy; đã thu được 1.200.000 đồng của 08 học viên, còn 01 học

viên chưa thu; thu lợi bất chính 1.200.000 đồng từ việc làm 09 Giấy khám sức khỏe giả cho 09 học viên. Có 19 Giấy khám sức khỏe của 19 học viên do Lê L1 đưa đến phòng khám tuy nhiên Phòng khám không tiến hành các bước theo quy định, vì vậy Lê L1 không phải chịu trách nhiệm.

Ngày 03-3-2022 và ngày 16-5-2022 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L12 ra Quyết định trưng cầu giám định số 05, 06, 10 đối với chữ ký, chữ viết của các Bác sỹ, nhân viên Phòng khám L12 trên 175 tờ giấy khám sức khỏe và Phòng khám X2 132 tờ giấy khám sức khỏe (do chỉ tạm giữ được 132 giấy khám sức khỏe bản gốc tại Phòng khám X2, còn 280 giấy khám sức khỏe đưa vào hồ sơ thi sát hạch lái xe đều là bản phô tô).

Tại Kết luận giám định số 153 ngày 19/4/2022 và Kết luận giám định số 229 ngày 31/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L12 xác định:

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường” và chữ viết tại mục kết luận tại 76 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Lương Thanh H6 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường” và chữ viết tại mục kết luận tại 35 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Hoàng Thị H16 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường” và chữ viết tại mục kết luận tại 49 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Lộc Thị Đ6 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường” và chữ viết tại mục kết luận tại 47 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Nông Thế Đ7 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “bình thường” và chữ viết tại mục kết luận tại 96 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Lành Thị T21 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Hoàng Thị C3 trong 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Hoàng Thị C3 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nông Mộng D5 trong 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Nông Mộng D5 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Lương Đức T20 trong 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Lương Đức T20 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Hà Thị L5 trong 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Hà Thị L5 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Ngô Thị P3 trong 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Ngô Thị P3 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Trần Thị N4 trên 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Trần Thị N4 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Đàm Thị D4 trên 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Đàm Thị D4 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị L6 trên 132 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Nguyễn Thị L6 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Đinh Thị Hạnh N5 trên 03 tờ giấy khám sức khỏe mang tên Nguyễn Cẩm L7 (sinh năm 2003, trú tại khu D 4, phường V1, thành phố L), Hoàng Thị H19 (sinh năm 2003, trú tại xã X2, huyện C1, tỉnh L12), Hoàng Thị L8 (sinh năm 1992, trú tại xã T23, huyện L9, tỉnh L12) so với chữ ký thu thập của Đinh Thị Hạnh N5 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Đinh Thị Hạnh N5 trên 129 tờ giấy khám sức khỏe còn lại so với chữ ký thu thập của Đinh Thị Hạnh N5 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ viết “bình thường”, “không mắc” tại mục “3. Mắt” trên 01 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết tại mục “IV. Kết luận” trên 12 tờ giấy khám sức khỏe không xác định được là chữ của ai.

Tại Kết luận giám định số 194 ngày 26/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh L12 xác định:

- Chữ viết “âm tính” tại 25 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Vi Trung Đ5 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường”, “âm tính” và chữ viết tại mục kết luận tại 54 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Nông Hải Y1 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường”, “âm tính” và chữ viết tại mục kết luận tại 92 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Nguyễn Văn D2 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường”, “âm tính” và chữ viết tại mục kết luận tại 51 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Tô Thị L3 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường”, “âm tính” và chữ viết tại mục kết luận tại 52 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Hoàng Thị Lan A1 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường”, “âm tính” và chữ viết tại mục kết luận tại 44 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Hứa Thị T18 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc” tại 01 tờ giấy khám sức khỏe mang tên Dương Hoàng P2 so với chữ viết thu thập của Mai Thu H9 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “không mắc”, “bình thường” tại 37 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ viết thu thập của Vy Thị D6 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Lăng Hồng H15, Hoàng Tiến N3, Nguyễn Khánh L4, Vi Thị D3 trong 175 tờ giấy khám sức khỏe là chữ ký đóng dấu.

- Chữ ký mang tên Phan Thị C2 trên 175 tờ giấy khám sức khỏe so với chữ ký thu thập của Phan Thị C2 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ viết “không mắc” tại mục “1. Tâm thần” và mục “2. Thần kinh” trên 19 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết “không mắc” tại mục “1. Tâm thần” trên 02 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết “bình thường” tại mục “2. Thần kinh” trên 01 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết “không mắc” tại mục “3. Mắt” trên 14 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết “bình thường” tại mục “4. Tai - Mũi - Họng” trên 10 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết “bình thường” tại mục “5. Tim mạch”, mục “6. Hô hấp”, mục “7. Cơ xương khớp”, mục “8. Nội tiết” trên 27 tờ giấy khám sức khỏe; chữ viết “âm tính” tại mục “III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG” trên 37 tờ giấy khám sức khỏe không xác định được là chữ viết của ai.

2. Đối với hành vi Đưa hối lộ, Nhận hối lộ:

Khoảng tháng 6/2020, Đặng Hoàng T được người tên T24, cộng tác viên Trung tâm T2 (không rõ nhân thân, địa chỉ) cho biết có học viên thi sát hạch lái xe, kiến thức còn yếu và hỏi có hình thức để hỗ trợ lý thuyết cho học viên không. Sau đó Đặng Hoàng T liên hệ nhờ Chu Thị X là Tổ trưởng Tổ sát hạch của Sở Giao thông vận tải tỉnh L12 cùng các thành viên Tổ sát hạch nhắc đáp án đúng cho các học viên để đủ điểm đỗ phần thi sát hạch lý thuyết, Chu Thị X đồng ý, nhưng chưa thỏa thuận về số tiền bồi dưỡng. Sau đó Đặng Hoàng T nói cho Lương Thị T12, Dương Văn T13, Lê L1, Lô Văn V2, T24, H20, O, P4 (không rõ nhân thân, địa chỉ của T24, H20, O, P4) là Đặng Hoàng T đã liên hệ với Sở Giao thông vận tải để hỗ trợ lý thuyết trong quá trình thi sát hạch bằng cách nhắc đáp án đúng để đủ điểm đạt phần thi này, lệ phí 350.000 đồng/người, các học viên có nhu cầu sẽ đăng ký với nhân viên hoặc cộng tác viên của Trung tâm, Lương Thị T12 có nhiệm vụ tập hợp danh sách thí sinh đăng ký "hỗ trợ lý thuyết", thu tiền hỗ trợ lý thuyết, sau đó chuyển tiền và danh sách cho Đặng Hoàng T. Đặng Hoàng T bảo Lương Thị T12 đánh dấu thí sinh đăng ký "hỗ trợ lý thuyết" vào danh sách thi sát hạch để đưa cho Chu Thị X.

Trong ngày diễn ra kỳ thi sát hạch, Lương Thị T12 đưa danh sách học viên dự thi đã khoanh tròn số báo danh của những học viên có nhu cầu “hỗ trợ” phần thi lý thuyết bằng bút mực đỏ cho Chu Thị X. Quá trình thi lý thuyết, Chu Thị X, Bùi Duy H1 (Sát hạch viên), căn cứ vào danh sách học viên đăng ký "hỗ trợ lý thuyết" phân công nhau đứng sau lưng học viên để nhắc đáp án đúng. Kết thúc mỗi kỳ thi sát hạch, Chu Thị X, Lương Thị T12 đối chiếu danh sách học viên đăng ký hỗ trợ và số học viên thi đỗ rồi Lương Thị T12 thu tiền từ các cộng tác viên và mang đến nhà Đặng Hoàng T nộp, Đặng Hoàng T giữ lại theo mức 150.000 đồng/học viên; số tiền còn lại đưa cho Lương Thị T12 để chuyển cho Chu Thị X theo mức 200.000 đồng/học viên.

Việc "hỗ trợ lý thuyết" đã được thực hiện tại 03 kỳ thi sát hạch lái xe mô tô tại Trung tâm T2, cụ thể như sau:

Tháng 7/2020, diễn ra một kỳ sát hạch có hỗ trợ lý thuyết (không rõ cụ thể thời gian), trong kỳ thi sát hạch này có khoảng 30 học viên đăng ký hỗ trợ lý thuyết (không rõ thông tin của học viên). Lương Thị T12 chuyển danh sách đánh dấu học viên đăng ký "hỗ trợ lý thuyết" cho Chu Thị X. Sau đó Chu Thị X nói cho Bùi Duy H1 biết Trung tâm T2 đã trao đổi với Chu Thị X về việc "hỗ trợ lý

thuyết" cho các học viên có nhu cầu, Chu Thị X bảo Bùi Duy H1 cùng nhau "hỗ trợ lý thuyết" cho các học viên được đánh dấu trong danh sách. Kết thúc kỳ thi, Lương Thị T12 tổng hợp số liệu học viên được hỗ trợ thi đỗ là 30 học viên, đối chiếu lại số lượng với Chu Thị X rồi thu từ T24, H20 10.500.000 đồng và mang đến nhà nộp cho Đặng Hoàng T, Đặng Hoàng T giữ lại 4.500.000 đồng, Lương Thị T12 cầm số tiền 6.000.000 đồng còn lại đưa cho Chu Thị X. Số tiền này, Chu Thị X và Bùi Duy H1 thống nhất cho vào “Quỹ sát hạch” do Chu Thị X quản lý.

Tại kỳ thi sát hạch ngày 08-8-2020: Lương Thị T12 tổng hợp số học viên đăng ký hỗ trợ lý thuyết (không rõ số lượng và thông tin học viên đăng ký), đánh dấu vào danh sách thi chung rồi chuyển cho Tổ sát hạch lý thuyết là Chu Thị X và Bùi Duy H1. Kết thúc kỳ thi, Lương Thị T12 và Chu Thị X đối chiếu số lượng học viên được hỗ trợ lý thuyết có kết quả đỗ là 218 học viên. Tổng số tiền Lương Thị T12 nhận được là 76.300.000 đồng và đã nộp cho Đặng Hoàng T, Đặng Hoàng T giữ lại số tiền 32.700.000 đồng, đưa cho Lương Thị T12 43.600.000 đồng để đưa cho Chu Thị X. Chu Thị X, Bùi Duy H1 thống nhất phân chia số tiền nhận được từ Lương Thị T12 như sau: Nhập “Quỹ sát hạch” 5.000.000 đồng, đưa cho Nguyễn Đình M3 và Vi Quang H21 (Sát hạch viên sa hình) mỗi người 4.000.000 đồng, đưa cho Đỗ Văn D7 - Trưởng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và Người lái 3.000.000 đồng, chi tiền in ấn giấy phép lái xe cho Chu Thị X 1.000.000 đồng; Chu Thị X và Bùi Duy H1 mỗi người được nhận số tiền 13.300.000 đồng. Khi đưa tiền cho mọi người, Chu Thị X đều nói đây là tiền Trung tâm T2 bồi dưỡng cho Sát hạch viên và Phòng uống nước, không nói là tiền có được do hỗ trợ lý thuyết.

Tại kỳ thi sát hạch ngày 11-10-2020: Có 204 học viên đăng ký hỗ trợ thi lý thuyết. Có 02 học viên đăng ký với Lê L1 gồm Hoàng Anh T25 và Phùng Văn T26. Có 02 học viên đăng ký với Lô Văn V2 gồm Trần Dương Hải Đ8 và Chu Anh K2. Các học viên còn lại đăng ký với T24, H20 nhưng không rõ số lượng, Lương Thị T12 đánh dấu các học viên vào danh sách chung rồi chuyển cho Tổ sát hạch lý thuyết gồm Chu Thị X và Bùi Duy H1. Kết thúc kỳ thi, Lương Thị T12 và Chu Thị X đối chiếu có 131 học viên đăng ký hỗ trợ và thi đỗ. Tổng số tiền thu được là 45.850.000 đồng, Đặng Hoàng T giữ lại 19.650.000 đồng, đưa cho Lương Thị T12 26.200.000 đồng để đưa cho Chu Thị X. Sau đó Chu Thị X và Bùi Duy H1 thống nhất phân chia như sau: Nhập vào “Quỹ sát hạch” 5.000.000 đồng; đưa cho Đào Tuấn A2 và Vi Quang H21 mỗi người 4.000.000 đồng; đưa cho Chu Thị X 1.000.000 đồng tiền in ấn giấy phép lái xe; 12.200.000 đồng còn lại, Chu Thị X và Bùi Duy H1 chia đều mỗi người được hưởng 6.100.000 đồng. Khi đưa tiền cho Đào Tuấn A2 và Vi Quang H21, Chu Thị X đều nói đây là số tiền Trung tâm T2 bồi dưỡng cho Sát hạch viên và cho Phòng uống nước, không nói là tiền có được do hỗ trợ lý thuyết.

Tại kỳ thi sát hạch lái xe mô tô ngày 18-7-2021 tại Trung tâm T2 có 10 học viên đăng ký hỗ trợ lý thuyết với Lê L1, có 15 học viên đăng ký hỗ trợ lý thuyết với Lô Văn V2. Lê L1, Lô Văn V2 đã nhắn tin hỏi Lương Thị T12 để gửi danh sách học viên đăng ký hỗ trợ lý thuyết nhưng do Lương Thị T12 bận không trả

lời, đến hôm thi Lương Thị T12 thấy có lực lượng Công an giám sát kỳ thi sát hạch nên không bảo Lê L1, Lô Văn V2 gửi danh sách học viên đăng ký hỗ trợ lý thuyết, cũng chưa thực hiện đánh dấu đỏ các học viên có nhu cầu vào danh sách chung, chưa nhận được tiền từ Lê L1, Lô Văn V2. Sau kỳ thi Lê L1, Lô Văn V2 đã chủ động trả lại tiền đăng ký hỗ trợ lý thuyết cho các học viên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lê L1, Lô Văn V2 trình bày mỗi người đã nhận từ 02 học viên số tiền 700.000 đồng rồi nộp lại cho Lương Thị T12 để các học viên được hỗ trợ lý thuyết trong kỳ thi sát hạch lái xe ngày 11-10-2020. Ngoài ra trong kỳ thi sát hạch lái xe ngày 18-7-2021, Lê L1, Lô Văn V2 còn có hành vi nhận tiền của một số học viên nhưng chưa gửi danh sách và tiền cho Lương Thị T12; Lê L1, Lô Văn V2 đều không nhớ cụ thể số tiền đã nhận của các học viên do việc hỗ trợ lý thuyết trong kỳ thi ngày 18-7-2021 không diễn ra nên đã trả lại tiền cho các học viên.

Quá trình điều tra còn xác định có 03 trường hợp được Phòng khám L12 cấp giấy khám sức khỏe mà không cần đến khám gồm Chu Hồng L10, sinh năm 2003, trú tại thị trấn H2, huyện H2; Hoàng Việt B1, sinh năm 1987, trú tại xã Đ9, huyện H2; Lý Thị T27, sinh năm 1984, trú tại xã M4, huyện H2, tỉnh L12. L10, B1, T27 khai khoảng tháng 5/2021 do có nhu cầu thi bằng lái xe máy nên đã gửi ảnh, photo Chứng minh nhân dân, đưa tiền cho Vũ Mạnh H22, sinh năm 1975, trú tại khu T5, thị trấn H2, huyện H2, tỉnh L12 để làm hồ sơ thi sát hạch lái xe. Sau đó H22 đưa lại cho một người đàn ông để làm hồ sơ thi lái xe. Do trước đó người đàn ông này đến quán rửa ảnh của Hà tại thị trấn H2 để rửa ảnh, người này cho H22 biết bản thân chuyên làm hồ sơ thi sát hạch lái xe, chỉ cần cung cấp ảnh, photo Chứng minh nhân dân và chi phí 1.000.000 đồng/người để làm hồ sơ. Đến ngày 18-7-2021 L10, B1, T27 được người đàn ông trên liên lạc đưa đến Trung tâm T2 để thi sát hạch lái xe. Do không xác định được họ tên, nhân thân, địa chỉ của đối tượng làm hồ sơ thi sát hạch lái xe cho L10, B1, T27 nên không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân; lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người liên quan và phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKSLS-P1 ngày 06-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L12 truy tố các bị cáo Lương Thanh H6, Hoàng Thị H16, Mai Thu H9, Nguyễn Ngọc S, Lô Văn V2, Hà Thị L5, Ngô Thị P3, Lương Đức T20, Nông Mộng D5, Hoàng Thị C3, Vi Trung Đ5, Nông Hải Y1, Nguyễn Văn D2, Tô Thị L3, Hứa Thị T18, Hoàng Thị Lan A1 và Lộc Thị Đ6 (17) về tội Giả mạo trong công tác, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê L1 về tội Giả mạo trong công tác, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 359 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Dương Văn T13, Nguyễn Thị Bích N2 (02) về tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đặng Hoàng T, Lương Thị T12 (02) về tội Giả mạo trong công tác quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 và tội Đưa hối lộ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Chu Thị X, Bùi Duy H1 (02) về tội Nhận hối lộ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật

Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2022/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh L12 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 364; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T 06 (sáu) tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; 01 (một) năm tù về tội Đưa hối lộ; tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 86 ngày (từ ngày 02-8-2021 đến ngày 26-10-2021). Phạt tiền bị cáo Đặng Hoàng T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

Tuyên bố các bị cáo Chu Thị X, Bùi Duy H1 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Chu Thị X. Xử phạt bị cáo Chu Thị X 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 82 ngày (từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021). Phạt tiền bị cáo Chu Thị X số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước. Cấm bị cáo Chu Thị X đảm nhiệm chức vụ liên quan đến sát hạch lái xe mô tô, ô tô trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Duy H1. Xử phạt bị cáo Bùi Duy H1 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 82 ngày (từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021). Phạt tiền bị cáo Bùi Duy H1 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước. Cấm bị cáo Bùi Duy H1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến sát hạch lái xe mô tô, ô tô trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên bố các bị cáo Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Lê L1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Thanh H6. Xử phạt bị cáo Lương Thanh H6 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 67 ngày (từ ngày 02-8-2021 đến ngày 07-10-2021). Phạt tiền bị cáo Lương Thanh H6 số tiền 15.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 67 ngày (từ ngày 02-8-2021 đến ngày 07-10-2021). Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc S số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê L1. Xử phạt bị cáo Lê L1 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 82 ngày (từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2022, bị cáo Đặng Hoàng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04/01/2023, bị cáo Chu Thị X có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 03/01/2023, bị cáo Bùi Duy H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 05/01/2023, bị cáo Lương Thanh H6 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04/01/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 30/12/2022, bị cáo Lê L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Ngọc S giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo trình bày bản thân lần đầu phạm tội, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đã phạm tội nghĩ rằng giấy khám sức khỏe chỉ có giá trị 06 tháng chứ không phải giấy tờ có giá trị cao, không gây thiệt hại gì cho ngân sách nhà nước; nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần do đại dịch Covid 19 bùng phát nên một số người thân quen không đến khám và nhờ bị cáo xác nhận một số giấy chứng nhận sức khỏe, một số người đến khám thật thì lo sợ lây nhiễm nên không khám đủ các chuyên khoa theo quy định, do nể nang tình cảm và thấy mọi người đều khỏe mạnh, không dị tật nên đã ký xác nhận cho họ để họ đủ điều kiện tham gia thi sát hạch lái xe mô tô hạng A1; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền án phí và tiền phạt số tiền 15.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000569 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12; bị cáo cung cấp giấy xác nhận của Bệnh viện đa khoa tỉnh L12 về việc bị cáo cứu người bị nạn là cháu Nguyễn Nhật M5 bị sốt cao co giật và sốt cao liên tục,

nguy cơ dẫn đến tử vong cao, bị cáo đã xử lý cấp cứu hạ sốt và cùng gia đình đưa cháu vào bệnh viện nên cháu Nguyễn Nhật M5 đã qua cơn nguy kịch; Giấy xác nhận của Công an phường T9 về việc bị cáo đã giúp người dân tìm lại tài sản là chiếc xe máy Honda Lead mang biển số 29C1-08074; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo đang nuôi dưỡng chăm sóc 03 người con đang tuổi ăn học và phụng dưỡng bố mẹ già trên 80 tuổi thường xuyên ốm đau, bệnh tật; bản thân bị cáo đang bị trầm cảm, cao huyết áp, đái tháo đường; bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lê L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo trình bày bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đã phạm tội, trong vụ án bị cáo chỉ là công tác viên tuyển sinh học viên thi sát hạch lái xe mô tô tại Trung tâm T2, bị cáo nhờ Lương Thanh H6 và Hoàng Thị H16 là nhân viên phòng khám X2 làm hộ 09 giấy khám sức khỏe cho người thân là anh chị, bạn bè của bị cáo do nể nang nghĩ bạn bè, anh chị đều khỏe mạnh, không dị tật nên đã nhờ làm giấy khám sức khỏe nhanh để đủ điều kiện tham gia thi bằng lái mô tô hạng A1, bị cáo chỉ đưa ra thông tin còn việc làm hay không làm không phải bị cáo quyết định do đó bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, không đáng kể; bị cáo có ông nội là Lê Xuân C4 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến thắng, ông ngoại là Trần S2 và bà ngoại là Đặng Thị H23 là cán bộ giáo viên được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, huy chương về sự nghiệp giáo dục; mẹ bị cáo là bà Trần Thị Y công tác tại Sở xây dựng tỉnh L12, quá trình công tác được Ban chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh L12 tặng Bằng khen, nhiều năm liền chiến sỹ thi đua (có xác nhận của giám đốc sở xây dựng); bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000568 ngày 30/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12; bị cáo ủng hộ quỹ vì trẻ em khuyết tật Việt Nam số tiền 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia hoạt động xã hội; bị cáo được Ủy ban nhân dân thị trấn C1 xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Đặng Hoàng T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo trình bày bị cáo chỉ trao đổi việc hỗ trợ lý thuyết cho các thí sinh với bị cáo Chu Thị X, không yêu cầu phương pháp hỗ trợ cho các thí sinh và tỷ lệ thí sinh đỗ; bị cáo cung cấp các tài liệu mới gồm: Bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000567 ngày 30/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12; Biên lai thu tiền số AA/2021/0000643 ngày 04/5/2023 thể hiện bị cáo đã nộp tiền phạt 20.000.000 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm; Thư cảm ơn của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh L12 về việc bị cáo đã ủng hộ 10.000.000 đồng hỗ trợ để xây

dựng các tuyến đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới tỉnh L12, Công ty TNHH Lâm sản Thành An Lạng Sơn do bị cáo góp vốn ủng hộ 25.000.000 đồng cho nhân dân các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do mưa lũ, gia đình bị cáo đang chăm sóc mẹ liệt sĩ là bà Đặng Thị T4, thờ cúng liệt sĩ Đặng Hoàng T28 (anh trai bị cáo, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Chu Thị X giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo trình bày, bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế và do nể nang và mong muốn giúp đỡ các em thí sinh trong kì thi nên bị cáo phạm tội chứ bị cáo không đặt điều kiện, không có sự trao đổi về vật chất; bị cáo cung cấp các tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2021/0000644 ngày 08/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 bị cáo đã nộp tiền phạt số tiền 32.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số AA/2021/0000575 ngày 09/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm; bị cáo ủng hộ 5.000.000 đồng xây dựng đường kiểm tra cột mốc bảo vệ biên giới tại phiếu thu ngày 09/5/2023 của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh L12, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lương Thanh H6 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cung cấp các tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2021/0000570 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 bị cáo đã nộp số tiền 15.200.000 đồng là tiền án phí và tiền phạt bổ sung; trong đợt dịch bùng phát covid năm 2021, bị cáo đã ủng hộ nhu yếu phẩm, vật tư y tế, những bữa cơm 0 đồng cho người dân và cán bộ y tế (có xác nhận của Trung tâm y tế huyện C1 và thư cảm ơn của trung tâm kiểm soát bệnh tật sở y tế Lạng Sơn); bố chồng bị cáo là ông Nông Minh H24 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; chú ruột của chồng bị cáo ông Nông Văn Q2 là liệt sĩ, được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng; khi được tại ngoại, bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, tham gia đầy đủ các phong trào do địa phương phát động (có xác nhận của UBND phường V1, thành phố L, tỉnh L12), hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Bùi Duy H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp tài liệu mới; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đặng Hoàng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ”; Chu Thị X và Bùi Duy H1 phạm tội “Nhận hối lộ”; bị cáo Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Lê L1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội, không oan; hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước; xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về tài liệu, giấy tờ mà Cơ

quan, tổ chức được giao quản lý; gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Với tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cần có mức hình phạt phù hợp, đảm bảo tác dụng để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo, các tình tiết mới mà các bị cáo xuất trình tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị đối với từng bị cáo, cụ thể:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Hoàng T, Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Chu Thị X và Lê L1; sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể: Giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đặng Hoàng T, Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Chu Thị X và Lê L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Duy H1 không cung cấp các tình tiết mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Duy H1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo này.

Bà Chu Thị Nguyễn P1 – Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Ngọc S và Lê L1 tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S đã ăn năn hối cải, đã nộp tiền phạt, tiền án phí, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội do thiếu nhận thức pháp luật, chỉ nghĩ đơn giản là có thể bị xử phạt hành chính chứ không đến mức bị xử lý hình sự, những người đến khám hầu hết đều đến phòng khám nhưng do dịch Covid nên không khám đủ được các chuyên khoa, Giấy khám sức khỏe chỉ có hiệu lực trong 06 tháng và chỉ để thi bằng lái xe nên bị cáo tạo điều kiện. Đối với bị cáo Lê L1 cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do thiếu hiểu biết, nể nang bạn bè, bị cáo chỉ đưa thông tin chứ không phải là người quyết định và ký giấy khám sức khỏe, bị cáo

Ông Bé Quang H8 – Người bào chữa cho bị cáo Lương Thanh H6 tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo H20 đã ăn năn hối cải, đã nộp tiền phạt, tiền án phí, tích cực ủng hộ đồng bào trong đại dịch Covid, tích cực làm từ thiện, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo bỏ đi đâu không biết, một mình bị cáo phải nuôi con, phụng dưỡng cha mẹ nội ngoại, hiện nay không có việc làm, không có thu nhập ổn định, phải bán phòng khám để lo cho cuộc sống nên đề nghị Hội đồng xét xử

Bà Lưu Thị Kiều T11 – Người bào chữa cho bị cáo Lương Thanh H6 tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo H20 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ông Nguyễn Huy X1 – Người bào chữa cho bị cáo Chu Thị X tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc nguyên nhân, bối cảnh hành vi của bị cáo X là do bị cáo T khởi xướng và nhờ vả bị cáo, do nể nang và mong muốn giúp đỡ các em thí sinh trong kì thi nên bị cáo phạm tội chứ bị cáo không đặt điều kiện, không có sự trao đổi về vật chất. Sau khi hoàn thành kì thi, bị cáo T18 có mang tiền đến cảm ơn bị cáo Xuân là đặt bị cáo X vào hoàn cảnh thụ động. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo xuống dưới mức của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng; phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu khác, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, các bị cáo Lê L1, Lô Văn V2 là Cộng tác viên của Trung tâm đào tạo và Sát hạch lái xe mô tô T2, do muốn rút ngắn thời gian làm hồ sơ cho học viên đã thỏa thuận với Lương Thanh H6 là người được giao trực tiếp quản lý, điều hành phòng khám X2 về việc làm giấy khám sức khỏe cho các học viên có nhu cầu thi cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, nhưng không trực tiếp đến khám. Lương Thanh H6 đã chỉ đạo Hoàng Thị H16, Lộc Thị Đ6 cùng tiếp nhận ghi thông tin của các học viên từ Lê L1 và Lô Văn V2 và các học viên khác, ghi kết quả khám tại một sổ mục chuyên khoa; ngoài ra Lương Thanh H6 tự ghi kết quả và ký giả chữ ký của 03 Bác sỹ chuyên khoa vào một sổ mục chuyên khoa sau đó trực tiếp mang đi hoặc chỉ đạo Hoàng Thị H16 hoặc nhờ 02 nhân viên tạp vụ mang Giấy khám sức khỏe đến cho các Bác sỹ chuyên khoa, kỹ thuật viên xét nghiệm, nhân viên tại phòng khám gồm Hà Thị L5, Ngô Thị P3, Lương Đức T20, Nông Mộng D5, Hoàng Thị C3, Lộc Thị Đ6, Hoàng Thị H16 ghi thông tin, kết quả khám, ký xác nhận vào các mục chuyên khoa trên Giấy khám sức khỏe cho các học viên không trực tiếp đến khám. Cụ thể: Lương Thanh H6 đã chỉ đạo nhân viên làm giả 279 Giấy khám sức khỏe để hưởng lợi 59.650.000 đồng; Lê L1 cung cấp thông tin của 09 học viên để làm giả Giấy khám sức khỏe thu lợi bất chính 1.200.000 đồng;

Trong thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Đặng Hoàng T, Lương

Thị T12, Dương Văn T13 là giám đốc, nhân viên, Cộng tác viên của Trung tâm đào tạo và Sát hạch lái xe mô tô T2 do muốn rút ngắn thời gian làm hồ sơ cho học viên đã đặt vấn đề với bị cáo Nguyễn Ngọc S là Trưởng Phòng khám Đa khoa L12 về việc làm giấy khám sức khỏe cho các học viên có nhu cầu thi cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, nhưng không trực tiếp đến khám; sau đó Nguyễn Ngọc S đã chỉ đạo nhân viên là Mai Thu H9 tiếp nhận thông tin, ảnh và thu tiền của các học viên từ Dương Văn T13, Lương Thị T12, Nguyễn Thị Bích N2 (cộng tác viên của Trung tâm T2) và chỉ đạo các Nhân viên, Bác sỹ tại phòng khám gồm Vi Trung Đ5, Nông Hải Y1, Nguyễn Văn D2, Tô Thị L3, Hứa Thị T18, Hoàng Thị Lan A1 đến phòng của Nguyễn Ngọc S viết giả kết quả khám chuyên khoa trên Giấy khám sức khỏe; lấy dấu khắc sẵn chữ ký, họ tên của một số bác sỹ trong phòng khám đóng vào các nội dung chuyên khoa tương ứng và ký hoặc đóng dấu chữ ký của mình vào phần Kết luận và đóng dấu của phòng khám trên các Giấy khám sức khỏe mà không có người trực tiếp đến khám, sau đó chuyển lại cho Mai Thu H9 để chuyển cho Dương Văn T13, Lương Thị T12, Nguyễn Thị Bích N2. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Ngọc S đã chỉ đạo nhân viên làm giả 173 Giấy khám sức khỏe để hưởng lợi 42.250.000 đồng; Đặng Hoàng T chỉ đạo Lương Thị T12 đến phòng khám để làm 03 Giấy khám sức khỏe, Đặng Hoàng T được hưởng lợi 300.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Đặng Hoàng T đã có hành vi liên hệ, thỏa thuận với Chu Thị X là Tổ trưởng Tổ sát hạch của Sở Giao thông vận tải tỉnh L12 về việc Chu Thị X cùng với Bùi Duy H1 là thành viên Tổ sát hạch nhắc đáp án đúng cho các học viên để đủ điểm đỗ phần thi sát hạch lý thuyết trong kỳ thi sát hạch lái xe mô tô (hỗ trợ lý thuyết) với mức lệ phí 350.000 đồng/học viên. Đặng Hoàng T đã chỉ đạo Lương Thị T12 03 lần đưa tiền cho Chu Thị X, Bùi Duy H1 để hỗ trợ lý thuyết cho học viên tại 03 kỳ thi sát hạch lái xe mô tô với tổng số tiền 75.800.000 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Đặng Hoàng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại khoản 2 Điều 341; khoản 2, khoản 5 Điều 364; các bị cáo Chu Thị X và Bùi Duy H1 phạm tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 354; các bị cáo Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Lê L1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo các bị cáo Đặng Hoàng T, Chu Thị X, Bùi Duy H1, Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Lê L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước; xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về tài liệu, giấy tờ mà Cơ quan, tổ chức được giao quản lý; gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Lương Thanh H6, Lê L1: Trong vụ án này, bị cáo Lương Thanh H6 và Nguyễn Ngọc S có vai trò chỉ đạo, điều hành các bị cáo là các Bác sỹ, nhân viên của Phòng khám L12 và phòng khám X2 ghi, ký giả mạo kết quả khám trên Giấy khám sức khỏe; trong đó Nguyễn Ngọc S chịu trách nhiệm với 173 Giấy khám sức khỏe giả mạo, hưởng lợi 42.250.000 đồng; Lương Thanh H6 chịu trách nhiệm 279 Giấy khám sức khỏe giả mạo, hưởng lợi 59.650.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Lương Thanh H6 phạm tội lần đầu, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đã phạm tội; các bị cáo nghĩ rằng giấy khám sức khỏe chỉ có giá trị 06 tháng chứ không phải giấy tờ có giá trị cao, không gây thiệt hại gì cho ngân sách nhà nước và một phần do đại dịch Covid 19 bùng phát nên một số người thân quen không đến khám và nhờ các bị cáo xác nhận một số giấy chứng nhận sức khỏe, một số người đến khám thật thì lo sợ lây nhiễm nên không khám đủ các chuyên khoa theo quy định, các bị cáo phạm tội do nể nang tình cảm và thấy mọi người đều khỏe mạnh, không dị tật nên đã ký xác nhận cho họ để họ đủ điều kiện tham gia thi sát hạch lái xe mô tô hạng A1.

Đối với bị cáo Lương Thanh H6: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 60.000.000 đồng vào kho bạc nhà nước tỉnh L12; bị cáo có bố là ông Lương Huyền M1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, có bố chồng là Nông Minh H24 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án 04 năm tù là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lương Thanh H6 tiếp tục tỏ thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và cung cấp các tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2021/0000570 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 15.200.000 đồng là tiền án phí và tiền phạt bổ sung; trong đợt dịch bùng phát Covid năm 2021, bị cáo đã ủng hộ nhu yếu phẩm, vật tư y tế, những bữa cơm 0 đồng cho người dân và cán bộ y tế (có xác nhận của Trung tâm y tế huyện C1 và thư cảm ơn của trung tâm kiểm soát bệnh tật sở y tế Lạng Sơn); gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố chồng bị cáo là ông Nông Minh H24 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; chú ruột của chồng bị cáo ông Nông Văn Q2 là liệt sỹ; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ chồng bị cáo ly hôn, bị cáo đang nuôi con đang độ tuổi ăn học trưởng thành; bố mẹ bị cáo già yếu thường xuyên ốm đau bệnh tật, trong thời gian tại ngoại bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật, tích cực ủng hộ các phong trào tại địa phương (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V1), Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; có bố là ông Nguyễn Duy T10 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; ngày 20-7-2022 bị cáo tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính

42.250.000 đồng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh L12. Ngày 19-8-2022, Bệnh viện Đa khoa tỉnh L12 có công văn xác nhận việc bị cáo ủng hộ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và có thành tích trong chăm sóc người bệnh hồi phục sức khỏe sau khi bị sốc phản vệ do Covid-19 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc S tiếp tục tỏ thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và cung cấp các tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2021/0000569 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 thể hiện bị cáo đã nộp tiền án phí và tiền phạt số tiền 15.200.000 đồng; Giấy xác nhận của Bệnh viện đa khoa tỉnh L12 về việc bị cáo cứu người bị nạn là cháu Nguyễn Nhật M5 bị sốt cao co giật và sốt cao liên tục, nguy cơ dẫn đến tử vong cao, bị cáo đã xử lý cấp cứu hạ sốt và cùng gia đình đưa cháu vào bệnh viện nên cháu Nguyễn Nhật M5 đã qua cơn nguy kịch; Giấy xác nhận của Công an phường T9 về việc bị cáo đã giúp chủ sở hữu xe máy Honda Lead mang biển số 29C1-08074 tìm lại tài sản; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo đang nuôi dưỡng chăm sóc 03 người con đang tuổi ăn học và phụng dưỡng bố mẹ già trên 80 tuổi thường xuyên ốm đau, bệnh tật; bản thân bị cáo đang bị trầm cảm, cao huyết áp, đái tháo đường; bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê L1: Trong vụ án này, bị cáo Lê L1 chỉ là Cộng tác viên của Trung tâm đào tạo và Sát hạch lái xe mô tô T2, do muốn rút ngắn thời gian làm hồ sơ cho học viên đã thỏa thuận với Lương Thanh H6 là người được giao trực tiếp quản lý, điều hành phòng khám X2 về việc làm giấy khám sức khỏe cho các học viên có nhu cầu thi cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, nhưng không trực tiếp đến khám. Bị cáo chỉ cung cấp thông tin của 09 học viên, việc làm hay không làm giấy tờ giả không phải do bị cáo quyết định; số tiền thu lợi bất chính không lớn 1.200.000 đồng nên bị cáo giữ vai trò thứ yếu. Bản thân bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, nghĩ giấy khám sức khỏe, có giá trị không lớn, không gây thiệt hại cho nhà nước; phạm tội do nể nang nghĩ bạn bè, anh chị đều khỏe mạnh, không dị tật nên đã nhờ làm giấy khám sức khỏe nhanh để đủ điều kiện tham gia thi bằng lái mô tô hạng A1.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngày 25/7/2022 bị cáo tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 1.200.000 đồng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh L12 để khắc phục hậu quả; có mẹ là bà Trần Thị Y (Trần Hồng Y) được nhận Bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh L12, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có ông nội là ông Lê Văn C4 (Lê Xuân C4) được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; có đóng góp tích cực trong công tác phòng chống dịch Covid, công tác

xã hội tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và cung cấp các tài liệu mới gồm: Gia đình bị cáo có ông ngoại là Trần S2 và bà ngoại là Đặng Thị H23 là cán bộ giáo viên được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, huy chương về sự nghiệp giáo dục thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo nộp Biên lai thu tiền số AA/2021/0000568 ngày 30/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo ủng hộ quỹ vì trẻ em khuyết tật Việt Nam số tiền 5.000.000 đồng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia hoạt động xã hội; bị cáo được Ủy ban nhân dân thị trấn C1 xin giảm hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, trên cơ sở đánh giá mức độ, hậu quả, việc khắc phục những vi phạm do hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S và bị cáo Lê L1 gây ra, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, vai trò, nhân thân của các bị cáo, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới các bị cáo được hưởng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, bị cáo Lương Thanh H6 và bị cáo Lê L1; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm để giảm hình phạt cho các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước và sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng bản thân, sớm trở lại cuộc sống, phấn đấu thành công dân có ích cho xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[3.3] Đối với các bị cáo phạm tội “Đưa hối lộ” và “Nhận hối lộ” cụ thể các bị cáo Đặng Hoàng T, Chu Thị X và Bùi Duy H1, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Đặng Hoàng T đã có hành vi liên hệ, thỏa thuận với Chu Thị X là tổ trưởng tổ sát hạch của Sở giao thông vận tải tỉnh L12 về việc Chu Thị X cùng Bùi Duy H1 là thành viên Tổ sát hạch nhắc đáp án đúng cho các học viên đủ điểm đỗ phần thi sát hạch lý thuyết trong kỳ thi sát hạch lái xe mô tô. Đặng Hoàng T chỉ đạo Lương Thị T12 03 (ba) lần đưa hối lộ cho Chu Thị X (trong đó có 01 lần Bùi Duy H1 nhận sau đó đưa lại cho Chu Thị X để tham gia hỗ trợ lý thuyết cho học viên tại 03 kỳ thi sát hạch lái xe với tổng số tiền 75.800.000 đồng).

Đối với bị cáo Đặng Hoàng T: Hành vi đưa hối lộ của bị cáo Đặng Hoàng T, bị cáo chỉ trao đổi việc hỗ trợ lý thuyết cho các thí sinh với bị cáo Chu Thị X, không yêu cầu phương pháp hỗ trợ cho các thí sinh và tỷ lệ thí sinh đỗ; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Hoàng T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; ngày 21-7-2022 tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 57.150.000 đồng vào Kho bạc Nhà nước

tỉnh L12 để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo đang thờ cúng ông Đặng Hoàng T28 (Đặng Văn Trung) liệt sỹ, trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía bắc là anh ruột của Đặng Hoàng T; có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19, ủng hộ đồng bào lũ lụt, xây dựng lực lượng Công an nhân dân nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 01 năm tù về tội “Đưa hối lộ”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đặng Hoàng T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, thừa nhận do hạn chế về nhận thức pháp luật nên là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội; bị cáo cung cấp các tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2021/0000567 ngày 30/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án hỉ hình sự sơ thẩm; Biên lai thu tiền số AA/2021/0000643 ngày 04/5/2023 thể hiện bị cáo đã nộp tiền phạt 20.000.000 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm; Thư cảm ơn của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh L12 về việc bị cáo đã ủng hộ 10.000.000 đồng hỗ trợ để xây dựng các tuyến đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới tỉnh L12, Công ty TNHH Lâm sản Thành An Lạng Sơn do bị cáo góp vốn ủng hộ 25.000.000 đồng cho nhân dân các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do mưa lũ. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Chu Thị X: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế và do nể nang mong muốn giúp đỡ các thí sinh trong kì thi nên bị cáo phạm tội chứ bị cáo không đặt điều kiện, không có sự trao đổi về vật chất trực tiếp với thí sinh; quá trình điều tra và truy tố bị cáo tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 48.400.000 đồng vào Kho bạc Nhà nước tỉnh L12 để khắc phục hậu quả; bản thân được tặng nhiều Giấy khen vì có thành tích trong công tác, có bố chồng là ông Vi Đình T29 được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, có mẹ chồng là Giáp Thị L11 được Chủ tịch UBND tỉnh L12 tặng Bằng khen, có ông nội là Chu Quang T30 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid tại địa phương nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Chu Thị X tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và cung cấp thêm các tài liệu mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2021/0000644 ngày 08/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 thể hiện bị cáo đã nộp tiền phạt số tiền 32.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số AA/2021/0000575 ngày 09/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm; bị cáo ủng hộ 5.000.000 đồng xây dựng đường kiểm tra cột mốc bảo vệ biên giới tại phiếu thu ngày

09/5/2023 của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh L12. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, trên cơ sở đánh giá mức độ, hậu quả, việc khắc phục những vi phạm do hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Hoàng T, Chu Thị X gây ra, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới các bị cáo được hưởng; nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Đặng Hoàng T và Chu Thị X; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm để giảm hình phạt cho các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước và sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng bản thân, sớm trở lại cuộc sống, phấn đấu thành công dân có ích cho xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Bùi Duy H1: Sau khi được Chu Thị X rủ cùng nhau hỗ trợ lý thuyết cho học viên có nhu cầu, bị cáo tham gia phạm tội tích cực, trực tiếp nhắc đáp án đúng cho các học viên để đủ điểm đỗ phần thi sát hạch lý thuyết trong phần thi sát hạch lái xe mô tô và được Chu Thị X chia đều số tiền hưởng lợi. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế; quá trình điều tra và truy tố bị cáo tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 27.400.000 đồng vào Kho bạc Nhà nước tỉnh L12 để khắc phục hậu quả; bản thân được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tặng Bằng khen trong quá trình công tác; có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19; có mẹ là bà Hoàng Thị H5 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Tuổi trẻ Anh hùng bảo vệ Tổ quốc, có ông ngoại Hoàng Văn G là Liệt sỹ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 02 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp các tài liệu mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt đối với bị cáo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Đặng Hoàng T, Chu Thị X, Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S và Lê L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Bùi Duy H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Hoàng T, Chu Thị X, Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S và Lê L1; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2022/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L12 về phân hình phạt đối với các bị cáo cụ thể:

Tuyên bố:

- Bị cáo Đặng Hoàng T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ”.

- Bị cáo Chu Thị X phạm tội “Nhận hối lộ”.

- Các bị cáo Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S, Lê L1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[1.1] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 364; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T 06 (sáu) tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; 06 (sáu) tháng tù về tội Đưa hối lộ; tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 86 ngày (từ ngày 02-8-2021 đến ngày 26-10-2021). Phạt tiền bị cáo Đặng Hoàng T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung vào Ngân sách nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Đặng Hoàng T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000643 ngày 04/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12; bị cáo đã nộp số tiền 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[1.2] Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Chu Thị X. Xử phạt bị cáo Chu Thị X 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 82 ngày (từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021). Phạt tiền bị cáo Chu Thị X số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) sung vào Ngân sách nhà nước. Cấm bị cáo Chu Thị X đảm nhiệm chức vụ liên quan đến sát hạch lái xe mô tô, ô tô trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù

Ghi nhận bị cáo Chu Thị X đã nộp số tiền 32.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000644 ngày 08/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12 và số tiền 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000575 ngày 09/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12.

[1.3] Áp dụng điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Thanh H6. Xử phạt bị cáo Lương Thanh H6 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 67 ngày (từ ngày 02-8-2021 đến ngày 07-10-2021). Phạt tiền bị cáo Lương Thanh H6 số tiền 15.000.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

[1.4] Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 67 ngày (từ ngày 02-8-2021 đến ngày 07-10-2021). Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc S số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung vào Ngân sách nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc S đã nộp số tiền 15.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000569 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L12.

[1.5] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê L1. Xử phạt bị cáo Lê L1 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 82 ngày (từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021)

[2] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Duy H1; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2022/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L12 đối với bị cáo Bùi Duy H1.

Tuyên bố bị cáo Bùi Duy H1 phạm tội “Nhận hối lộ”.

[2.1] Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Duy H1. Xử phạt bị cáo Bùi Duy H1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 82 ngày (từ ngày 06-8-2021 đến ngày 26-10-2021).

[3]. Về án phí: Các bị cáo Đặng Hoàng T, Chu Thị X, Lương Thanh H6, Nguyễn Ngọc S và Lê Tâm không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Bùi Duy H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L12;
- VKSND tỉnh L12;
- Cục THADS tỉnh L12;
- các Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lê